

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24-3-2023
V/v: “Tranh chấp về
chia tài sản sau khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bích Hiền;

Ông Trần Quý Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 279/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022, về việc: “Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXX-HN, ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; nơi cư trú: thôn N, xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn D, sinh năm 1976; nơi cư trú: thôn N, xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt (lần 02).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ của bên nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh trình bày:

Chị T và anh D kết hôn năm 1998 tại UBND xã Ân Hữu, tháng 8/2021 Toà án nhân dân huyện Hoài Ân đã xét xử cho chị T ly hôn anh Lê Văn D, giải quyết nuôi con, lúc đó chị T không yêu cầu giải quyết phần tài sản. Tháng 12/2021 chị T

đã khởi kiện đến Toà án, đã yêu cầu công ty Đạt Phương đo đạc nhà, đất, chị T đã cung cấp kết quả đo đạc cho Toà án, sau đó chị T rút đơn nên phần tài sản chung chưa giải quyết. Nay chị T khởi kiện yêu cầu giải quyết phần tài sản, trong thời gian chị T và anh D còn là vợ chồng có một số tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà xây dựng năm 2008, quyền sử dụng đất như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tôi đã giao nộp cho Toà án, 01 xe máy SH có BKS 77K1-18189 mua năm 2016 với giá 60.000.000 đồng, chị T yêu cầu giải quyết theo giá Toà án đã định giá tài sản. Trong quá trình làm ăn có mua thức ăn chăn nuôi và hiện còn nợ của chị Nguyễn Thị S ở: thôn H, xã Ân Hữu số tiền 150.000.000 đồng là nợ chung. Chị T yêu cầu Toà án chia tài sản chung, chia nợ chung, chị T nhận tài sản, trả nợ cho chị S, số tiền trả nợ 150.000.000 đồng được tính trừ vào giá trị tài sản chung, còn lại chị T thối trả tiền chênh lệch giá trị chia tài sản cho anh D.

- Bị đơn, anh Lê Văn D: Từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến ngày mở phiên toà xét xử sơ thẩm, mặc dù Toà án đã thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng anh D đều vắng mặt nên không ghi được ý kiến.

- Kết quả đo đạc đất, định giá tài sản: Theo biên bản định tài sản ngày 18-11-2022, tài sản chung của chị T và anh D được xác định: Nhà ở cấp loại N5, có giá 192.095.040 đồng. Mái hiên cấp loại N8, có giá 4.354.560 đồng. Sân xi măng cấp loại S4, có giá 2.244.480 đồng. Đất ở 140m² x 185.000 đồng/m² bằng 25.900.000 đồng (không xác định giá thị trường); đất trồng cây lâu năm 128,8m² x 74.000 đồng/m² = 9.531.200 đồng.

+ Tài sản trong nhà: Xe máy SH, BKS: 77 K1-18189 tên Nguyễn Thị T, có giá 24.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản 258.125.280 đồng.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa, phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán giải quyết vụ án, thư ký tiến hành tố tụng, Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về giải quyết vụ án: Có căn cứ để chấp nhận yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại: thôn N, xã Ân Hữu, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân. Quan hệ pháp luật được xác định: “Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn”.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn

vắng mặt lần (02) nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị T.

[3.1]. Theo biên bản định tài sản ngày 18-11-2022, tài sản chung của chị T và anh D được xác định: Nhà ở, mái hiên, sân xi măng, xe máy SH, BKS: 77K1-18189 tên Nguyễn Thị T, đất ở, đất trồng cây lâu năm có tổng giá trị 258.125.280 đồng.

[3.2]. Chị T yêu cầu được nhận nhà và tài sản trong nhà, chị T thôi lại tiền chênh lệch chia tài sản cho anh D. Căn cứ vào nguồn gốc hình thành tài sản: Quyền sử dụng đất là của mẹ chị T cho chị T và anh D, chị T có nguyện vọng nhận nhà để ở là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3]. Về khoản tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ của chị Nguyễn Thị S: Theo bản kê giấy ghi theo dõi tiền nợ trong thời gian chị T và anh D còn tồn tại hôn nhân, số tiền nợ là trên 150.000.000 đồng. Sau khi ly hôn, chị T đã tự nguyện trả cho chị S, tại Tòa án cả chị T và chị S thống nhất số tiền nợ chung là 150.000.000 đồng nên Tòa án ghi nhận. Tại Tòa án, chị S yêu cầu chị T và anh D cùng trả nợ đã được chị T tự nguyện nhận nghĩa vụ trả nợ cho chị S 150.000.000 đồng được tính trừ vào giá trị tài sản chung, còn lại chia đôi và chị T thôi trả tiền chênh lệch chia tài sản cho anh D là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Đối với bị đơn Lê Văn D.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, mặt dù Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng anh D đều vắng mặt là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình trước pháp luật nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định.

[5]. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa, phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán giải quyết vụ án, thư ký tiến hành tố tụng, Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về giải quyết vụ án: Có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6]. Về chi phí định giá tài sản: Tại Tòa án, chị T tự nguyện chịu nên được trừ vào tiền tạm ứng.

[7]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên buộc chị T, anh D nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 235, khoản 1 Điều 266, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 59, 60 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

- Giao cho chị T nhận sở hữu: Nhà ở cấp loại N5, mái hiên cấp loại N8, sân xi măng cấp loại S4 xây dựng trên thửa đất số 938, tờ bản đồ số 07; Xe máy SH BKS: 77K1-18189 tên Nguyễn Thị T, quyền sử dụng đất (đất ở 140m², đất trồng cây lâu năm 128,8m²) bằng tổng giá trị tài sản 258.125.280 đồng.

- Giao cho chị T trả nợ cho Nguyễn Thị S 150.000.000 đồng.

- Chị T thôi trả tiền chênh lệch chia tài sản cho anh Lê Văn D 54.062.640 đồng.

Về chi phí định giá tài sản: Chị T tự nguyện chịu nên được trừ vào tiền tạm ứng.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự:

- Chị Nguyễn Thị T, anh Lê Văn D mỗi người nộp 6.453.132 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Thanh được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010761 ngày 13-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân, còn phải nộp 6.153.132 đồng.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hoài Ân;
- Đương sự;
- UBND xã Ân Hữu;
- CC THADS huyện Hoài Ân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Vân